

TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016

HÀ NỘI, THÁNG 04 NĂM 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/03/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		500,098,595,641	439,672,990,963
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	164,037,612,642	159,776,784,631
1 Tiền	111		27,336,446,581	20,570,784,631
2 Các khoản tương đương tiền	112		136,701,166,061	139,206,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		269,003,818,569	214,590,841,203
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	133,037,426,510	84,266,002,335
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	51,204,833,573	49,291,676,671
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.05	23,503,290,842	46,013,161,282
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	105,240,333,833	79,002,067,104
7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(43,982,066,189)	(43,982,066,189)
IV. Hàng tồn kho	140	V.08	58,701,807,980	59,348,619,094
1 Hàng tồn kho	141		58,701,807,980	59,348,619,094
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8,355,356,450	5,956,746,035
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		6,769,623,838	4,393,522,423
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.15	1,585,732,612	1,563,223,612
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		509,564,362,932	512,941,355,279
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		14,963,357,208	16,463,357,208
3 Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	V.05	14,963,357,208	16,463,357,208
II. Tài sản cố định	220		5,240,691,168	5,002,254,384
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	5,115,861,168	4,893,028,137
- Nguyên giá	222		19,520,971,133	19,562,971,133
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14,405,109,965)	(14,669,942,996)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.11	124,830,000	109,226,247
- Nguyên giá	228		730,720,000	730,720,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(605,890,000)	(621,493,753)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	10,490,260,000	10,490,260,000
1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		10,490,260,000	10,490,260,000
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	458,583,297,225	458,583,297,225
1 Đầu tư vào công ty con	251		474,731,033,021	474,731,033,021
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		41,055,249,888	41,055,249,888
3 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		28,883,043,675	28,883,043,675
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(86,086,029,359)	(86,086,029,359)
V. Tài sản dài hạn khác	260		20,286,757,331	22,402,186,462
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	20,286,757,331	22,402,186,462
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1,009,662,958,573	952,614,346,242

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/03/2016
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		315,486,426,553	258,366,805,222
I. Nợ ngắn hạn	310		315,486,426,553	258,366,805,222
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	202,831,974,126	102,770,124,859
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	21,105,879,180	55,264,943,508
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	21,130,220	-
4 Phải trả người lao động	314		8,838,827,288	1,125,874,796
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	22,536,815,543	34,845,768,089
6 Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	V.17	-	-
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	51,778,706,152	58,706,770,006
11 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	3,992,333,137	3,828,353,057
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4,380,760,907	1,824,970,907
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		694,176,532,020	694,247,541,020
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	694,176,532,020	694,247,541,020
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		550,000,000,000	550,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		550,000,000,000	550,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
4 Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5 Cổ phiếu quỹ	415		-	-
8 Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		144,176,532,020	144,247,541,020
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		115,642,608,896	144,176,532,020
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		28,533,923,124	71,009,000
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1,009,662,958,573	952,614,346,242

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2016

TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Người lập

Lê Đức Thọ

Kế toán trưởng

Hoàng Thế Hiến

Tổng giám đốc



Hoàng Chí Cường



Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

**Từ 01/01/2016
đến 31/03/2016**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16,124,099,736	71,009,000
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		987,022,749	280,436,784
- Các khoản dự phòng	03		47,512,977,412	(163,980,080)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1,538,529)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(57,255,573,958)	-
- Chi phí lãi vay	06		19,182,058	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		7,386,169,468	187,465,704
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		195,553,428,346	34,773,734,407
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(35,231,838,010)	646,811,114
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(214,201,817,278)	(37,795,410,105)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(8,017,635,829)	(2,115,429,131)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(789,310,440)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		499,262,349	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(54,801,741,394)	(4,302,828,011)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(3,858,865,000)	42,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1,020,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		51,013,397,140	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		46,134,532,140	42,000,000
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(8,667,209,254)	(4,260,828,011)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		172,703,283,367	164,037,612,642
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		1,538,529	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	164,037,612,642	159,776,784,631

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2016

TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tổng giám đốc

Hoàng Chí Cường

